

Khảo sát một số nguồn vật liệu tại chỗ sử dụng trong xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc

Research on Some Types of On-Site Materials Used in House Construction by Ethnic Minorities in the Northern Mountainous Region of Vietnam

Đào Ngọc Khánh Vy

Tóm tắt

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam bao gồm cả đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi phía Bắc (DTTS & MNPB) là một phần quan trọng của dân tộc Việt Nam. Họ có những nét văn hóa đặc sắc, góp phần làm phong phú di sản văn hóa của đất nước. Tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong cuộc sống, do địa hình núi cao, khí hậu khắc nghiệt và thiếu thốn cơ sở hạ tầng. Trong xây dựng nhà ở, đồng bào các dân tộc vùng núi phía bắc đã sử dụng nhiều loại vật liệu tại chỗ trong xây dựng nhà. Bài viết trình bày kết quả khảo sát các loại vật liệu cơ bản của địa phương được sử dụng trong xây dựng nhà ở và tiến đề phát triển các loại vật liệu này nhằm giải quyết vấn đề xây dựng nhà ở cho đồng bào dân tộc từ vật liệu địa phương một cách bền vững và thân thiện với môi trường.

Từ khóa: Nhà ở, vật liệu, người dân tộc, miền núi phía Bắc

Abstract

The community of ethnic groups in Vietnam, including the compatriots of the ethnic groups in the northern mountainous region, is an important part of the Vietnamese society. They have distinctive cultural features which enrich the country's cultural heritage. However, they also face many difficulties and challenges in their lives due to the high terrain, harsh climate, and lack of infrastructure. In housing construction, ethnic minorities in the northern mountainous region have used many types of local materials in construction. The paper presents the results of a survey of local basic materials used in housing construction and the premise for developing these materials to solve the problem of building houses for ethnic minorities using local materials in a sustainable and environmentally friendly way.

Key words: Housing, materials, ethnic minority, the Northern mountainous region

ThS. Đào Ngọc Khánh Vy

Bộ môn Thí Nghiệm Công trình, Viện Đào tạo Mở

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

ĐT: 0982624341

Email: khanhvydaongoc93@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/01/2024

Ngày sửa bài: 04/03/2024

Ngày duyệt đăng: 15/03/2024

1. Đặt vấn đề

Nhà ở là một yếu tố quan trọng giúp người dân các tỉnh miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây có thể định cư và canh tác lâu dài, nâng cao cuộc sống. Quá trình đổi mới của đất nước ta đã mang lại những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực như: Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ... Đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc là một phần trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tuy nhiên vì sinh sống trong điều kiện thiên nhiên khó khăn, xa xôi, hiểm trở, hẻo lánh nên cuộc sống của họ còn gặp nhiều khó khăn, số hộ nghèo còn chiếm tỷ lệ cao. Các dân tộc sống gần liền với việc tổ chức cộng đồng và thường sinh sống theo chòm, bản, mường, buôn

Các dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc có những kiểu nhà ở đặc trưng của mình. Họ dùng những vật liệu địa phương như gỗ, tranh tre, nứa lá, đất... để xây nhà theo phong cách riêng của từng dân tộc. Đồng bào dân tộc miền núi phải đối mặt với nhiều khó khăn chung trong việc xây dựng nhà ở. Một số khó khăn là: địa hình hiểm trở, thiếu nguồn vật liệu xây dựng, thiếu kinh phí và kỹ thuật. Những khó khăn này ảnh hưởng đến chất lượng và độ bền của nhà ở, cũng như đến cuộc sống và sức khỏe của người dân..

2.1. Phương pháp xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc

Trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc Việt Nam như người Tày, Nùng, Dao, Mường,... có những phong cách đặc trưng riêng. Họ sử dụng những vật liệu địa phương thông thường như gỗ, tranh tre, nứa lá và đất để xây dựng nhà theo kiểu của họ. Dân tộc sống ở vùng núi cao giá lạnh thường xây nhà nhỏ, thấp, kín, ít cửa và tường dày để chống rét. Còn dân tộc sống ở vùng đồi núi thấp gần các con sông, suối thường xây nhà to và cao hơn. Việc xây dựng nhà ở của bà con cũng đối mặt với nhiều khó khăn và trở ngại. Các kỹ thuật xây dựng của dân tộc vùng núi cao thường tương đối thô sơ.

2.1. Một số đặc điểm nhà ở của đồng bào dân tộc vùng thấp

Các dân tộc Tày, Nùng, Mường là những cộng đồng đông dân nhất và thường sống dọc theo các con đường, thị trấn và thung lũng trồng lúa nước và làm nông nghiệp. Nhà của họ thường là nhà sàn hoặc nửa đất,

Người Tày-Nùng có tập quán xây nhà sàn cùng nhau, sống tập trung trên khu đất bằng phẳng. Vật liệu chính để xây dựng nhà gồm đá núi và gỗ quý. Trụ đỡ được làm từ gỗ cao to, chắc chắn, không mối mọt. Hệ thống cột, kèo, và xà nhà rất chắc chắn, thường giữ chặt với nhau bằng các khớp mọt và chốt. Kiến trúc nhà sàn dân tộc Tày-Nùng tồn tại bốn phong cách khác nhau

- Nhà lều: Loại nhà đơn giản và thô sơ của người Tày.

- Nhà quan ma: Nhà sàn thường có 4 gian, cột được chôn sâu xuống đất để bảo vệ con người và vật nuôi khỏi thú dữ.

- Nhà cai tư: Biến thể của nhà quan ma, thường có 5 gian (3 gian chính và 2 gian bên trái), cột nhà kê bằng đá tảng.

- Nhà con thong: Phổ biến nhất, có tính năng vượt trội. Chỉ dùng 8 cột chính và 16 cột quân, diện tích sử dụng rộng hơn nhà cai tư. Có hành lang chạy dọc theo sàn nhà, mang vóc dáng mềm mại và thẩm mỹ cao.

Những ngôi nhà sàn gỗ được xem là đặc trưng kiến trúc nhà ở của người Mường. Người Mường thường dựng nhà sàn bằng gỗ, những trụ cột, xà ngang đều là những loại gỗ tốt, không bị mục đến cả trăm năm như gỗ lim xanh, nghiến, lái. Nhà sàn được làm theo thông thủy, giữa các gian tuy không có vách ngăn nhưng vững chắc. Không gian nhà được phân chia theo cả chiều dọc và chiều ngang. Từ cầu thang chính bước vào phần giữa sàn nhà, phía ngoài là để tiếp khách, phía trong là nơi sinh hoạt của cả gia đình.



Hình 1. Nhà ở của người Tày- Hòa Bình[10]



Hình 2. Nhà ở người Mường- Hòa Bình[11]



Hình 3. Nhà ở người Dao- Vĩnh Phúc[12]



Hình 4. Nhà của người Sán Dìu- Vĩnh Phúc[9]

2.2. Một số đặc điểm nhà ở của đồng bào dân tộc vùng giữa

Nơi chủ yếu của người Dao, Khơmú, Kháng, Sán Dìu, Sán Chay sinh sống là ở vùng núi rẻo giữa. Họ canh tác nương rẫy là chủ yếu và một ít lúa nước. Nhà ở của họ thường là nhà đất hoặc nửa đất.

Loại nhà truyền thống của người Dao là loại nhà nửa sàn- nửa đất, đây là loại nhà thể hiện thành quả của sự thích nghi trong việc du canh du cư của người dân nơi đây. Người dân sử dụng gỗ, tre nửa làm cột, kèo xà, mái lợp lá cọ. Ngõ nhà chia theo chiều dọc, nửa sau là nền đất là nơi đặt bếp nấu nướng và nơi thờ cúng; nửa dưới là sàn gỗ làm nơi nghỉ ngơi của gia chủ, và chia thành từng gian nhỏ có vách ngăn. Vì tính chất du mục hay di chuyển nơi ở, người Dao tận dụng nền đất làm bếp để đảm bảo chống cháy, còn mặt sàn làm giường ngủ nhằm giảm chi phí cũng như thời gian xây nhà

Nhà trình tường là một kiểu kiến trúc độc đáo của người Sán Dìu, bằng nguyên liệu chính là đất sét đỏ, nước trộn và dùng tay nhào thật dẻo sau đó đắp thành tường. Mái được làm từ tre, lợp bằng lá cọ hoặc cỏ tranh.

2.3. Một số đặc điểm nhà ở của đồng bào dân tộc vùng cao

Vùng núi là nơi sinh sống chính của người Mông, Hà Nhì.... Nhà ở chủ yếu là nhà trình tường. Kiểu nhà này có tường được đắp thủ công hoàn toàn bằng đất rồi lèn bằng phẳng, vững chắc. Nhà trình tường ấm vào mùa đông và mát mẻ vào mùa hè. Vật liệu để làm những bức tường gồm đất sét, có độ dẻo dai nhất định nhằm tạo độ kết dính lớn, trộn lẫn sỏi nhỏ nhằm tăng độ cứng với mục tiêu chịu đựng được sự tác động từ mặt ngoài. Mỗi tộc người sẽ có cách làm nhà trình tường khác nhau.



Hình 5. Nhà của người Mông- Hà Giang[15]

Nhà trình tường của người Mông xây bằng đất sét đỏ mịn cần loại hết đá to và rễ cây để có độ kết dính cao. Cột làm từ gỗ, mái nhà âm dương lợp từ tre hoặc ngói. Cấu trúc nhà đầy đủ 3 gian và 2 cửa. Nhà của người Mông còn được dựng sàn gác mái phía trên để cất trữ lương thực

Người Hà Nhì sống trên miền núi cao có rất nhiều đá, vì vậy móng nhà không sâu. Phần nhô trên mặt đất khoảng 40 - 50cm để tránh mưa gây sụt lún móng, nhà của họ chiều rộng không kém chiều dài bao nhiêu, nên trông ngôi nhà giống hình vuông. Khuôn để trình tường làm bằng gỗ có kích thước khoảng 2 - 2,5 m dài, 50 - 60 cm rộng, và 40 - 50 cm sâu. Họ đổ đất vào khuôn và dùng chày giã thật chặt. Đất khai thác quanh nhà thường là đất đỏ pha sỏi, không để khô quá hoặc ướt quá. Nếu đất khô, không có độ kết dính; nếu đất ướt, khi lên tường sẽ bị nứt, xệ.



Hình 6. Nhà ở người Hà Nhì- Lai Châu và cách người dân trình tường đất[12]



Hình 7. Nhà sử dụng ván gỗ của người Hà Nhì- Thu Lũm[12]



Hình 8. Nhà vách nứa, mái lợp cỏ tranh của người La Hủ

3. Tình hình sử dụng vật liệu để xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay

3.1. Vật liệu truyền thống

Đây là được đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng từ ngàn xưa đến nay. Những vật liệu được khai thác hoặc thu lượm từ môi trường tự nhiên, như đất sét, cát, đá dăm, sỏi, lá cây, cành cây... Những vật liệu này có đặc điểm là rẻ, gọn nhẹ, dễ dàng tìm kiếm và sử dụng, thân thiện với môi trường và phù hợp với đặc điểm khí hậu và thổ nhưỡng của miền núi. Những vật liệu này được sử dụng để xây dựng những căn nhà mộc mạc, truyền thống độc đáo và mới

• Vật liệu gỗ

Gỗ là vật liệu chính được sử dụng trong xây dựng nhà ở. Gỗ chủ yếu được sử dụng dưới dạng cây gỗ để làm cột, kèo, xà nhà. Nhà bằng gỗ có nhiều ưu điểm, như mát mẻ vào mùa hè, ấm vào mùa đông, thân thiện với môi trường, thích hợp với địa hình và khí hậu của miền núi.

Gỗ được chẻ ra thành tấm để làm tường, vách, sàn, cửa... Các cây gỗ bền được sử dụng làm kèo và cột nhà. Tuy nhiên, vì dân số ngày càng cao nên nhu cầu gỗ để làm nhà cũng tăng theo. Điều này dẫn đến việc khai thác rừng quá mức có thể gây thiệt hại cho rừng. Ngoài ra, việc khai thác rừng để mở rộng diện tích canh tác cũng làm cho rừng bị thu hẹp, tác động tiêu cực đến môi trường sống và gây ra lũ lụt hàng năm. Vì vậy, cần hạn chế việc sử dụng gỗ trong xây dựng nhà ở và thay thế bằng các vật liệu khác, nhằm bảo tồn rừng và phát triển bền vững.

• Vật liệu tranh, tre, nứa, lá

Vật liệu tranh, tre, nứa, lá là những vật liệu do đồng bào dân tộc khai thác trong rừng và được sử dụng để xây nhà ở. Những vật liệu này có ưu điểm là đơn giản, dễ dàng khai thác và sử dụng, thân thiện với môi trường và có tác dụng cách nhiệt, cách âm tốt.

Vật liệu tranh, tre, nứa, lá được sử dụng rất nhiều trong công trình nhà ở của đồng bào dân tộc. Chúng có thể được dùng để lợp mái nhà, là đòn tay, rui me, liếp tường bao che, tường vách ngăn, làm sàn nhà. Do khai thác quá nhiều và liên tục trên rừng nên số lượng những loại vật liệu này bị giảm sút nghiêm trọng và khai thác.

• Đá học

Đá học là vật liệu truyền thống mà người dân tộc miền núi hay dùng để làm móng nhà, kê chân đất. Ngoài ra đá học cũng giúp kê các cột nhà để tránh gỗ bị ẩm và mối tấn công, làm hàng rào, lan can, bậc thềm. Vật liệu này có nhiều ưu điểm như: Cường độ chịu nén cao, độ bền giúp tuổi thọ công trình được kéo dài, ít bị tác động của môi trường bên ngoài, có khả năng chống mài mòn, ổn định đối với axit. Tuy nhiên, việc khai thác đá học để làm nhà không đơn giản và tùy thuộc vào nơi có núi đá và phương tiện khai thác đá. Ngoài ra, sử dụng đá học trong xây dựng nhà còn phụ thuộc vào khoảng cách và phương tiện vận chuyển từ nơi khai thác đến nơi xây dựng nhà

• Đất

Đất là loại vật liệu được sử dụng khá phổ biến trong xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc. Đất thường được dùng để trình tường nhà. Bên cạnh đó, đất còn được dùng để trát



Hình 9. Nhà bằng đá của dân tộc Tày[13]



Hình 10. Nhà trình tường đất của người Hà Nhì Y Tý[12]

lên các phen liếp tạo nên các tấm tường hoặc vách ngăn bên trong nhà. Đất có ưu điểm là rẻ tiền, dễ dàng tìm kiếm và sử dụng, thân thiện với môi trường và có tính năng cách nhiệt, cách âm tốt.

Nhà Trình tường là những ngôi nhà đất dày từ 40 đến 50 cm có thể chống xói mòn, vừa mát mùa hè vừa ấm mùa đông

3.2. Vật liệu không truyền thống

Đây là những vật liệu được sản xuất bằng cách chế biến hoặc kết hợp các nguyên liệu khác, như gạch nung, ngói, xi măng, cốt thép, tấm lợp, ... Những vật liệu này có ưu điểm là bền bỉ, chắc chắn, đa dạng về mẫu mã và chức năng. Những vật liệu này được sử dụng để xây dựng những ngôi nhà hiện đại, sang trọng hoặc các công trình công cộng, thương mại. Tuy nhiên, những vật liệu này cũng có nhược điểm là đắt tiền, khó vận chuyển và lắp đặt, gây ô nhiễm môi trường và không hài hòa với phong cảnh tự nhiên

• Gạch nung

Gạch nung là loại vật liệu xây dựng mới được người dân các dân tộc ưa chuộng trong khoảng 15-20 năm gần đây. Nhà làm bằng gạch có tính bền vững và ổn định hơn so với nhà làm bằng các vật liệu cổ điển. Tuy nhiên, chi phí xây dựng cao do giá thành của gạch và chi phí vận chuyển. Nhà gạch thường được xây ở miền núi cho các công trình công



Hình 11. Nhà gạch đất của người Tày[13]



cộng như trụ sở ủy ban, nhà văn hóa, hoặc nhà dân ở gần thị xã, thị trấn. Thông tin cho thấy rằng người dân các dân tộc miền núi ở vùng cao ít chọn gạch nung để xây nhà.

• Ngói lợp nhà

Đồng bào miền núi sử dụng ngói đỏ đất sét nung. Mái nhà bằng ngói bền và tốt hơn lợp bằng lá. Tuy nhiên giá thành cao và chỉ sử dụng được nhiều cho nhà ở ven thị trấn, thị tứ, xung quanh huyện lỵ.

• Xi măng

Xi măng là vật liệu quen thuộc của người Kinh. Xi măng làm nhà kết cấu bê tông cốt thép có ưu điểm là chắc chắn, chịu được lực nén cao, chống lại các yếu tố thời tiết và môi trường. Những vật liệu này được sử dụng để xây dựng



Hình 12. Nhà xây sử dụng gạch nung[6]



Hình 13. Mái lợp ngói đỏ của người Thái[5]



Hình 14. Người Mông sử dụng tường trát xi măng và nền xi măng[7]



Hình 15. Mái sử dụng tấm lợp fibro xi măng[6]



Hình 16. Mái lợp tôn[5]

những ngôi nhà cốt thép hoặc kết hợp với các vật liệu khác để tạo ra những công trình độc đáo và đặc trưng. Hạn chế của vật liệu này là việc vận chuyển lắp đặt khó khăn, chi phí cao và không hài hòa với đặc trưng văn hóa nhà ở của đồng bào dân tộc.

- Tấm lợp fibro xi măng

Tấm lợp fibro xi măng được sử dụng khá phổ biến dùng làm tấm lợp mái của nhà ở. Đây là loại vật liệu rẻ tiền, phù hợp với điều kiện kinh tế của đồng bào dân tộc. Tuy nhiên, tại nhiều khu vực địa hình khó khăn thì việc vận chuyển các tấm lợp fibro xi măng là một vấn đề cần lưu ý

- Tôn lợp

Tôn cũng là một loại vật liệu ngày càng được sử dụng phổ biến trong xây dựng nhà ở của đồng bào. Nhược điểm của loại vật liệu này là chi phí cao, vận chuyển khó khăn ở những khu vực địa hình phức tạp

Ngoài ra hiện nay đồng bào dân tộc còn sử dụng các loại vật liệu khác để làm nhà như

- Sắt thép để làm vì kèo, cốt thép trong bê tông
- Gỗ ván ép để làm vách ngăn
- Tấm nhựa làm trần nhà

3.3. Tổng hợp tình hình sử dụng vật liệu trong xây dựng nhà của một số dân tộc miền núi phía Bắc (Bảng 1)

Bảng 1. Tình hình sử dụng vật liệu làm nhà ở của một số dân tộc [5]

Dân tộc	Móng	Cột	Kèo	Tường ngoài	Tường ngăn	Mái	Nền nhà
Mông	Móng đá Đá kê cột	Gỗ Bê tông cốt thép	Gỗ	Gỗ Phên liếp Trình tường	Gỗ Phên liếp	Ngói, Tranh Fibro XM Tôn	Đất
Hà Nhi	Móng đá Đá kê cột	Gỗ	Gỗ	Gỗ Phên liếp Trình tường	Gỗ Phên liếp	Ngói, Tranh Fibro XM Tôn	Đất
Mường	Móng đá Đá kê cột	Gỗ Bê tông cốt thép	Gỗ	Gỗ Phên liếp	Gỗ Phên liếp	Ngói, Tranh Fibro XM Tôn	Đất
Nùng	Móng đá Đá kê cột	Gỗ	Gỗ	Trình tường	Gỗ Phên liếp	Ngói Lá Fibro xi măng	Đất
Tày	Móng đá Đá kê cột	Gỗ	Gỗ	Gỗ Phên liếp	Gỗ Phên liếp	Ngói Tranh	Đất
Dao	Móng đá Đá kê cột	Gỗ Tre	Gỗ Tre	Tre Phên liếp	Tre Phên liếp	Ngói Tranh	Đất



Hình 17. Tỷ trọng dân số 2010-2020 và Tỷ lệ hộ nghèo theo vùng địa lý[4]



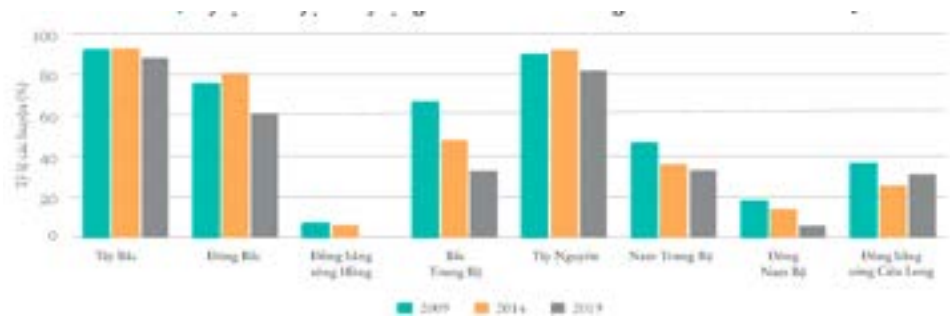
Hình 18. Phân bố tầng lớp kinh tế, theo vùng và dân tộc, năm 2020[4]

4. Nhận định chung về tình hình sinh sống và vấn đề sử dụng vật liệu - công nghệ xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc

Đồng bào DTTS chỉ chiếm 15% dân số cả nước nhưng tỷ lệ hộ nghèo lại chiếm đến 79%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo tập trung nhiều trên vùng núi cao là 36% (với mức chuẩn nghèo LMIC) - 68% (với mức chuẩn nghèo UMIC) so với vùng đồng bằng xấp xỉ 2 (với mức chuẩn nghèo LMIC) - 15% (với mức chuẩn nghèo UMIC) (Hình 17).

Nhóm DTTS sống tập trung đông nhất ở khu vực Trung du miền núi phía Bắc (Hình 18). Dân tộc Kinh có quy mô lớn nhất và trải rộng về mặt địa lý còn người DTTS sống rải rác trên cả nước và có xu hướng sống tập trung theo vùng. Tuy nhiên, lượng người nghèo là đồng bào chiếm tỉ trọng cao hơn so với người Kinh cùng địa bàn.

Tây Bắc là một trong những nơi tụt hậu nhất trên cả nước, gần 90% các huyện ở vùng này có tỷ lệ nghèo cao hơn so với mức trung bình của cả nước (Hình 19). Dân cư nơi đây có 56% là đồng bào dân tộc [22] và đặc biệt ở vùng núi cao chiếm 72% dân số địa phương. Tây Bắc là một nơi có địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, đặc biệt khó khăn



Hình 19. Tỷ lệ các huyện có tỷ lệ nghèo cao hơn mức trung bình của cả nước[4]

trong mọi mặt như giao thông, sinh hoạt, đời sống. Vì vậy tỉ lệ người đồng bào vùng sâu vùng xa nghèo cùng cực là vô cùng lớn (Hình 18).

Chính phủ đã chỉ thị các tỉnh miền núi thực hiện công tác quy hoạch các cụm dân cư, cấp kinh phí xây dựng trường học, công sở, trạm xá, cung cấp các vật liệu xây dựng cần thiết như tấm lợp, bể nước để hỗ trợ và giúp đỡ đồng bào dân tộc xây dựng nhà ở của mình [1] [2] [3]. Tuy nhiên nhu cầu cần hỗ trợ nhà ở các đối tượng nghèo và hộ dân tộc thiểu số còn rất lớn. Theo số liệu điều tra năm 2019, vẫn còn 20,8% hộ DTTS đang sống trong các ngôi nhà thiếu kiên cố hoặc đơn sơ (Bảng 3). Ở khu vực miền núi, tỷ lệ số hộ DTTS sống trong những ngôi nhà tạm, cao hơn 4 lần so với ở đồng bằng. Đồng bào DTTS ở các tỉnh miền núi phía Bắc là một trong những khu vực có tỷ lệ ở nhà thiếu kiên cố cao trên toàn quốc



Hình 20. Nhà ở của các hộ dân nghèo thuộc đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc[5]

	Kiến cổ hoặc bán kiến cổ		Thiếu kiến cổ hoặc đơn sơ	
	Toàn quốc	53 DTTS	Toàn quốc	53 DTTS
TỔNG SỐ	93,1	79,2	6,9	20,8
Thành thị	98,2	94,2	1,8	5,8
Nông thôn	90,3	76,2	9,7	23,8
Vùng kinh tế - xã hội				
Trung du và miền núi phía Bắc	84,4	75,3	15,6	24,7
Đồng bằng sông Hồng	99,3	96,3	0,7	3,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	97,3	81,9	2,7	18,1
Tây Nguyên	90,3	80,9	9,7	19,1
Đông Nam Bộ	98,4	95,4	1,6	4,6
Đồng bằng sông Cửu Long	80,8	71,1	19,2	28,9

Bảng 2. Tỷ trọng hộ có nhà ở theo mức độ kiên cố, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế 2019[8]. Đơn vị: %

• Nhận định được rút ra qua công tác khảo sát tại địa phương:

- Nhà ở của người dân các dân tộc ở miền núi đã được nâng cao chất lượng. Nhưng so sánh với miền xuôi, nhà ở của họ vẫn còn nhiều khó khăn. Ngoài sự hỗ trợ về vật liệu của nhà nước, cần có sự nghiên cứu và tư vấn về các giải pháp vật liệu phù hợp.

- Người dân các dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc có số lượng đông đảo, có nhiều phong tục và kiến trúc nhà

ở khác nhau, nhưng cách sử dụng vật liệu và phương pháp xây dựng nhà ở lại có nhiều điểm tương đồng.

- Gỗ là vật liệu quan trọng và truyền thống để xây dựng nhà ở cho người dân các dân tộc. Gỗ được dùng làm khung cột, kèo nhà là thói quen khó thay đổi. Do đó, cần nghiên cứu các giải pháp thay thế gỗ bằng các vật liệu công nghiệp cho kết cấu nhà.

- Vật liệu để lợp mái rất đa dạng. Ngoài vật liệu truyền thống như tranh, tre, nứa, cỏ tranh đồng bào đã từng bước tiến thói quen sử dụng những vật liệu nhân tạo như ngói nung, tấm fibro xi măng... Việc sử dụng các vật liệu này cho mái nhà là khá hợp lý về

mặt chi phí và lắp đặt đơn giản. Tuy nhiên ở khu vực núi cao việc vận chuyển và chi phí là vấn đề cần lưu tâm.

- Tường nhà là bộ phận quan trọng. Đồng bào dân tộc thường làm tường nhà bằng những vật liệu đơn giản như phen liếp, gỗ ván, vách trát đất, trình bằng đất.

Tường phen liếp, vách trát đất có ưu điểm nhẹ, dễ làm nhưng độ bền vững thấp, dễ bị hỏng dưới tác động mưa gió, không thích hợp cho những vùng có khí hậu lạnh về mùa đông.



Hình 21. Thực trạng nhà trình tường nứt xuyên tường[5]

Tường gỗ: thích hợp với phong tục tập quán của đồng bào tuy nhiên lâu dài vì nhu cầu sử dụng gỗ lớn góp phần tạo nên nạn phá rừng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Tường trình đất: Ưu điểm có thể sử dụng vật liệu tại chỗ, cách nhiệt tốt, giá thành rẻ. Tuy vậy nhược điểm là kém bền vững, lúc thi công phải sử dụng đất dẻo để trình so vẩy để bị co ngót gây nên hiện tượng nứt, trọng lượng bản thân lớn dễ lún, sụt lở khi tiếp xúc với nước, không thể xây cao, tường vì ruồi đầu hồi thường hở. Sau thời gian sử dụng có hiện tượng nứt tường gây mất an toàn

5. Kết luận

Nội dung bài báo trình bày khảo sát một số nguồn vật liệu tại chỗ sử dụng trong việc xây nhà ở của đồng bào DTTS &

MNPB. Từ kết quả khảo sát cho thấy:

- Nhà ở của đồng bào DTTS & MNPB được xây dựng chủ yếu bằng vật liệu tại chỗ do người dân tự khai thác cũng như tự xây dựng.

- Đồng bào DTTS & MNPB đa phần đang ở trong những ngôi nhà có điều kiện tạm bợ, thiếu chắc chắn, vững vàng, và không kiên cố.

- Thói quen sử dụng vật liệu tại chỗ của người dân phù hợp với văn hóa cũng như thuận tiện tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên cần có nghiên cứu để phát triển, củng cố tính hiệu quả của nguồn vật liệu này trong xây dựng nhà ở và cần tang độ bền vững cho những vật liệu này./

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 135/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình phát triển KTXH các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa.
2. Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
3. Thông tư 02/2022/TT-UBND do Ủy ban dân tộc miền núi ban hành ngày 15/8/2022 về việc “Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025”.
4. Việt Nam- The World Bank Data 2022. Đánh giá Thực trạng nghèo và Bình đẳng của Việt Nam năm 2022
5. Đề tài NCKH Bộ Xây dựng “Công nghệ xây dựng nhà ở cho đồng bào vùng núi phía Bắc”, mã số RD 22, Viện Khoa học công nghệ xây dựng.
6. Đặng Văn Luyến, Nguyễn Quang Huy, Trần Mạnh Liễu, Đặng Ngọc Bình, Nguyễn Viết Minh. Nghiên cứu đặc điểm thành phần và tính chất cơ lý của đất đá trong khu vực đông nam Mèo Vạc nhằm phát triển bền vững giá trị các di sản công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, Tạp chí Địa kỹ thuật, số 2-2016, tr. 7-20.
7. PGS.TS. Cao Duy Tiến, 2002. Công nghệ xây dựng nhà ở cho đồng bào miền núi phía Bắc sử dụng vật liệu địa phương.
8. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục thống kê, 2019. Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019
9. Những nếp nhà trình tường cuối cùng của người Sán Dìu - Trung tâm Xúc tiến Du lịch Vĩnh Phúc – Sở VH-TTDL Vĩnh Phúc (dulichvinhphuc.gov.vn)
10. <https://dantocmiennui.vn/net-dep-nha-san-cua-nguoi-tay-nung-o-cao-bang/140109.html>
11. <http://daidoanket.vn/nha-san-cua-nguoi-muong-5665417.html>
12. <https://vov1.vov.gov.vn/bien-gioi-xanh/doc-dao-nha-trinh-tuong-cua-nguoi-ha-nhi-1882016-c88-27219.aspx>
13. Khám phá kiến trúc độc đáo nhà sàn của người Tày tại miền núi đông bắc Việt Nam (xaydungso.vn)
14. Dân tộc người Dao ở Tây Bắc (taybacsensetravel.com)
15. <https://tintucdantoc.vn/nha-trinh-tuong-net-van-hoa-dac-sac-cua-nguoi-mong-o-dong-van-1623642265739.htm>

Kết nối di sản và các không gian công cộng...

(tiếp theo trang 15)

cấp các hoạt động hoặc sự kiện thu hút mọi người vào các không gian đó; là nơi liên kết với các trao đổi xã hội, văn hóa hoặc kinh tế và được coi như một thành phần để đánh giá chất lượng cuộc sống đô thị

Kết luận

Vậy nên có thể nói liên kết không gian di sản và các không gian công cộng là linh hồn của một đô thị, là tài sản không thể thay thế khi mang đến rất nhiều lợi ích cho cư dân sinh

sống. Để quy hoạch được một hệ thống liên kết các không gian di sản và không gian công cộng tạo nên những trục đặc trưng của đô thị là một bài toán không dễ vì bên cạnh phục vụ cho đông đảo quần chúng với nhiều sự khác biệt về nhân chủng học, còn phải có sự cân bằng giữa yếu tố văn hoá, chính trị, xã hội, kinh tế... Các đô thị ở Việt Nam hiện tại đang cần rất nhiều những không gian mở để giúp người dân cân bằng, phát triển toàn diện, và tận hưởng cuộc sống./

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Bài, Báo cáo đề dẫn, Hội thảo khoa học “Bảo tồn di tích và cuộc sống đương đại
2. Hoàng Đạo Kinh, Bảo tồn và phát triển tiếp nối các di sản đô thị ở Việt Nam, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam.
3. Doãn Minh Khôi, Tạp chí Kiến trúc số 5-2018, Sự hấp dẫn của không gian công cộng
4. Trần Hữu Quang, Trí thức và Không gian công cộng trong xã hội hiện đại, tiasang.com.vn, ngày 4-3-2017.
5. Phạm Thanh Tùng, Không gian công cộng trong dòng chảy văn hóa đô thị, báo Tài nguyên môi trường 2/2021
6. M. Carmona, Principles for public space design, planning to do better, Urban Des Int 24, 47–59 (2019)
7. Bandarin, F. and R. Van Oers. The historic urban landscape: managing heritage in an urban century, John Wiley & Sons.
8. Lichfield, N.. “Economics in urban conservation.” Cambridge Books.
9. P.Patricia, S.Quentin, Public Space Design and Social Cohesion: An International Comparison, Routledge, 2019.